

# MỘT SỐ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VỀ TRÍ TUỆ CẢM XÚC CỦA HỌC VIÊN HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

---

Nguyễn Thị Thanh Tâm

*Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.*

Cho đến nay, trên thế giới vấn đề trí tuệ cảm xúc (TTCX) đang được nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi. TTCX là một dạng của trí tuệ xã hội có liên quan đến khả năng điều khiển tình cảm, xúc cảm của bản thân và của những người khác, khả năng nhận biết các xúc cảm, phân biệt chúng, và sử dụng những thông tin này để hướng dẫn suy nghĩ, hành động của con người. *TTCX là năng lực nhận biết, bày tỏ xúc cảm, hòa xúc cảm vào ý nghĩ, hiểu và suy luận với xúc cảm, điều khiển, kiểm soát xúc cảm của mình và người khác* (Peter Salovey và John Mayer, 1997). Học viên (HV) đang học tập tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh (CT - HC QG HCM) là những người đang làm công tác lãnh đạo, quản lý (LD, QL) hoặc trong tương lai sẽ là người LD, QL một tổ chức của Đảng, Nhà nước ta. *Sự phát triển tốt về TTCX là một điều kiện tâm lý để họ có thể hoàn thành có chất lượng công tác LD, QL.* Nghiên cứu, tìm hiểu về TTCX của đội ngũ cán bộ này để biết được thực trạng biểu hiện TTCX của đội ngũ HV và đề xuất phương hướng nâng cao TTCX của họ là một vấn đề rất có ý nghĩa thực tiễn.

## **1. Mô hình lý thuyết được sử dụng trong nghiên cứu về trí tuệ cảm xúc của Học viên Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh**

Gần hai thập kỷ đã qua, các nhà nghiên cứu lý thuyết TTCX đã đề xuất được một số mô hình về loại trí tuệ này. Có thể phân các mô hình ấy thành hai nhóm: *các mô hình thuần năng lực* (John Mayer, Peter Salovey...) và *các mô hình hỗn hợp coi TTCX là sự kết hợp giữa các năng lực trí tuệ và các nét nhân cách không thuộc năng lực trí tuệ* (D.Goleman, Bar-On...). Hiện vẫn chưa có sự thống nhất giữa các nhà nghiên cứu về cấu trúc của TTCX. Tuy nhiên, giới

nghiên cứu học thuật đồng ý nhiều hơn với mô hình cấu trúc TTCX thuần năng lực do John Mayer và Peter Salovey đề xuất (1997) (xem [5]).

Mô hình của hai tác giả này đã nhấn mạnh đến *mặt nhận thức* (đối tượng nhận thức ở đây là các xúc cảm, tình cảm) và họ đã chứng minh nó đáp ứng ba tiêu chuẩn sau đây của mô hình trí tuệ nói chung (xem [1]):

1- *Đó phải là một mô hình phù hợp về mặt khái niệm (tức là nó phải phản ánh các năng lực trí tuệ hơn là chỉ mô tả hành vi).*

2- *Phải có tương quan (tức là nó phải có điểm giống nhưng vẫn có sự khác biệt với các loại trí tuệ đã được biết đến).*

3- *Nó phải mang tính phát triển (tức là những năng lực đặc trưng cho trí tuệ phải phát triển cùng với sự tích lũy kinh nghiệm và tuổi tác của cá nhân).*

Mô hình đó gồm bốn lớp năng lực như sau:

- Khả năng nhận thức chính xác các xúc cảm (*Perceiving Emotions* - the ability to correctly identify how people are feeling).

- Khả năng sử dụng các xúc cảm để hỗ trợ, tích cực hoá tư duy (*Using Emotions to Facilitate Thought* - the ability to create emotions and to integrate your feelings into the way you think).

- Khả năng hiểu nguyên nhân và tiến trình phát triển của các xúc cảm (*Understanding Emotions* - the ability to understand the causes of emotions).

- Khả năng quản lý các xúc cảm (*Managing Emotions* - the ability to figure out effective strategies that use your emotions to help you achieve a goal, rather than being used by your emotions).

Trắc nghiệm MSCEIT được thiết kế theo mô hình này, được kiểm tra độ tin cậy và được các nhà nghiên cứu ưa dùng nhất hiện nay. Trong một nghiên cứu với khoảng 2000 khách thể, J. Mayer và cộng sự báo cáo độ tin cậy của trắc nghiệm là  $R > 0.90$  (xem [2]).

Chúng tôi tiếp cận theo mô hình lý thuyết nêu trên và sử dụng trắc nghiệm MSCEIT (phiên bản 2.0) được Việt hóa bởi nhóm chuyên gia: PGS. Trần Trọng Thủy, PGS.TS. Lê Đức Phúc. PGS.TS. Nguyễn Huy Tú, TS. Nguyễn Công Khanh để đo lường TTCX của các HV.

## 2. Quá trình thực hiện

- Tổng số khách thể nghiên cứu là hơn 212 HV đang học tại Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh năm học 2007 - 2008, hệ Cử nhân chính trị, Cao cấp lý luận chính trị.

- Sử dụng test MSCEIT để đo lường TTCX của các HV.

- Phương pháp tính điểm: Dựa vào cách tính điểm theo “tiêu chuẩn đồng ý” do ba tác giả xây dựng trắc nghiệm này đề nghị, vì cách tính này đảm bảo giảm thiểu sự bất đồng về văn hóa giữa các dân tộc trong khi xử lý, giải quyết các tình huống liên quan đến xúc cảm, tình cảm. Điểm thô của một khách thể thứ  $i$  được ký hiệu là  $X_i$ , điểm EQ sẽ được tính theo công thức tính điểm trí tuệ sau đây của Wechsler:

$$EQ = 100 + 15 \times (X_i - X) / SD \text{ trong đó } SD \text{ là độ lệch chuẩn.}$$

- Sau khi làm trắc nghiệm, HV được yêu cầu trả lời câu hỏi sau đây:

“Nếu Học viện yêu cầu một nhóm 3 HV của lớp gồm có chính đồng chí và 2 người nữa có nhiệm vụ đi thực tế *trong 6 tháng* (tìm hiểu thực tế, cùng cán bộ địa phương giải quyết các nhiệm vụ trong thực tiễn) *tại một địa phương không thuộc tỉnh mà mình đang công tác* thì đồng chí sẽ chọn 2 người nữa là những ai?”

Họ tên người thứ 1:

Tổ:

Họ tên người thứ 2:

Tổ:

Vì sao?”

### 3. Kết quả nghiên cứu

#### 3.1. Mức độ chung về TTCX của HV Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh

Có 221 HV tham gia làm trắc nghiệm, sau khi loại bỏ 9 cá thể ngoại lai (dưới 5% lượng mẫu) có điểm quá cách xa điểm trung bình của mẫu (cách xa hơn 3 lần độ lệch chuẩn), mẫu khách thể nghiên cứu còn lại là 212 người, phân phối điểm EQ của 212 khách thể đã đảm bảo là phân phối chuẩn, mẫu này có thể đại diện cho các HV đang học tập trung tại Học viện (hệ cử nhân chính trị và cao cấp lý luận chính trị). Điểm EQ của các HV sau khi làm sạch số liệu như sau:

- Điểm trung bình:  $X = 101,80$  với Độ lệch chuẩn là:  $SD = 12,31$

- Điểm cao nhất là: 130,04, điểm thấp nhất là: 71,02.

Kết quả đo lường cho thấy, điểm trung bình về EQ của các HV được nghiên cứu là  $X = 101,08$ , một mức điểm tương đối cao. Nghĩa là TTCX của các HV của Học viện biểu hiện khá tốt.

Độ lệch chuẩn về chỉ số EQ của mẫu nghiên cứu là 12,31, cho thấy TTCX (điểm EQ) của các HV là tương đối phân tán. Dựa vào độ lệch chuẩn, điểm EQ của HV phân phối vào 5 nhóm như sau:

+ Mức độ EQ rất cao (có EQ  $\geq 126.42$ ) với 2 HV, chiếm 0,9% ( $\bar{X} + 2SD$ ).

+ Mức độ cao (có EQ từ 114,12 - 126,41) với 30 HV, chiếm 14,2% ( $\bar{X} + SD$ ).

+ Mức độ trung bình (có EQ từ 89,48 - 114,11) với 144 HV, chiếm 67,9% ( $\bar{X} - SD < EQ < \bar{X} + SD$ ).

+ Mức độ thấp (có EQ từ 77,18 - 89,47) với 26 HV, chiếm 12,3% ( $\bar{X} - 2SD < EQ < \bar{X} - SD$ ).

+ Mức độ rất thấp (có EQ  $\leq 77.17$ ) với 10 HV, chiếm 4,7% ( $EQ \leq \bar{X} - 2SD$ ).

Như vậy, kết quả đo lường cho thấy khoảng 2/3 số HV được nghiên cứu có TTCX phát triển ở mức trung bình, 1/3 còn lại có EQ cao hoặc thấp, trong đó mức độ cao (cao và rất cao) chỉ chiếm 15,1% trên tổng số khách thể, còn mức thấp (thấp và rất thấp) chiếm 17%.

### 3.2. Mức độ TTCX của HV so sánh theo giới tính

**Bảng 1:** Mức độ TTCX của học viên chia theo giới tính

	Giới tính	Số lượng	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
Điểm EQ	Nam	163	101.04	12.46
	Nữ	49	104.31	11.60
Nhận biết xúc cảm	Nam	163	99.40	15.78
	Nữ	49	101.95	11.96
Sử dụng xúc cảm	Nam	163	99.65	15.15
	Nữ	49	101.16	14.60
Hiểu rõ xúc cảm	Nam	163	99.26	15.29
	Nữ	49	102.63	13.90
Quản lý xúc cảm	Nam	163	99.09	15.04
	Nữ	49	103.04	14.62

Điểm EQ trung bình của nhóm HV nữ là 104,32, cao hơn nhóm nam (101,0). Điều này cũng phù hợp với các nghiên cứu khác, thường thường EQ trung bình của nhóm nữ cao hơn nhóm nam trong cùng một cộng đồng. Điểm từng thành tố trong 4 thành tố của TTCX (nhận biết xúc cảm, sử dụng xúc cảm, hiểu rõ xúc cảm, quản lý xúc cảm) ở nhóm nữ đều cao hơn nhóm nam, nhưng

những sự khác biệt về điểm EQ này giữa nam và nữ là không lớn, không có ý nghĩa về mặt thống kê (qua phép kiểm định bằng T-test).

### 3.3. Mức độ TTCX của học viên so sánh theo độ tuổi

Độ tuổi của nhóm khách thể là: Dưới 30 tuổi có 39 người, chiếm 18,4%; từ 30 đến 39 tuổi có 138 người, chiếm 65,1%; từ 40 tuổi trở lên có 33 người, chiếm 15,6%. Có 2 người không điền thông tin về tuổi.

*Bảng 2: Mức độ TTCX của học viên chia theo nhóm tuổi*

Tuổi	EQ	Nhận biết xúc cảm - N1	Sử dụng xúc cảm - N2	Hiểu rõ xúc cảm - N3	Quản lý xúc cảm - N4
Dưới 30 tuổi	102.15	99.81	102.05	101.86	95.00
30 - 39 tuổi	101.93	99.75	99.23	100.50	102.13
40 tuổi trở lên	100.50	100.68	100.20	96.08	97.39
Tổng số	101.74	99.90	99.90	100.06	100.06

Kết quả thống kê cho thấy điểm EQ trung bình giữa 3 nhóm tuổi không khác biệt nhau đáng kể và kiểm định bằng so sánh ANOVA cũng cho thấy không có sự khác biệt về EQ giữa 3 nhóm tuổi.

Xem xét điểm 4 thành tố của TTCX (N1, N2, N3, N4), chúng tôi nhận thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về khả năng quản lý xúc cảm (N4) giữa nhóm 30 - 39 tuổi và nhóm dưới 30 tuổi (102,5 điểm so với 95,0 điểm), nghĩa là khả năng quản lý xúc cảm của nhóm 30 - 39 tuổi cao hơn đáng kể so với nhóm dưới 30 tuổi. Khả năng quản lý xúc cảm của nhóm từ 40 tuổi trở lên cũng cao hơn nhóm dưới 30 tuổi, tuy nhiên sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê (qua kiểm định ANOVA).

Khả năng quản lý xúc cảm ở nhóm 30 - 39 tuổi là cao nhất trong 3 nhóm. Điều này có thể giải thích bởi lý do từ 30 tuổi trở lên thì con người nhìn chung càng chín muồi hơn về khả năng quản lý xúc cảm, với khoảng 30 - 39 tuổi, sự tương tác, phối hợp hợp lý giữa lý trí và xúc cảm cộng với vốn kinh nghiệm sống giúp cho con người quản lý xúc cảm tốt hơn. Với nhóm những khách thể trên 40 tuổi, trong mẫu nghiên cứu có khá đông người trên 45 tuổi. Cần có thêm những nghiên cứu về lứa tuổi này để có thể lý giải được sự đi xuống của khả năng kiểm soát, quản lý xúc cảm.

### 3.4. So sánh kiểm định điểm EQ với biểu hiện thực tế

Khi yêu cầu HV chọn 2 người khác trong lớp mình để thành nhóm 3 người đi thực tế địa phương trong 6 tháng (câu hỏi nêu ở mục 2) thì kết quả cho thấy có rất nhiều HV trong lớp không được ai chọn cả, trong khi đó có một số người lại được một vài người chọn hoặc được rất nhiều người chọn. Kiểm tra lại điểm EQ của những người được chọn lựa, dù chỉ được vài người chọn hay được nhiều người chọn thì thấy họ đều có điểm EQ thuộc nhóm cao (114 trở lên) hoặc khá cao (111 trở lên) hoặc có thể điểm EQ chung chỉ tương đối cao (khoảng 105 - 106) nhưng có một điểm thành phần trong 4 thành tố của EQ khá cao (111 trở lên). Không thấy ai được lựa chọn mà có điểm EQ thấp.

Có hai khách thể EQ rất cao và 2 khách thể có EQ cao được chọn ngẫu nhiên trong số những người có EQ cao để viết tiểu sử tự thuật và những ấn tượng (suy nghĩ, cảm xúc) trong cuộc sống của họ. Phân tích các tiểu sử cho thấy: có 1 người xuất thân từ gia đình có truyền thống cách mạng (thế hệ ông và cha), 1 người xuất thân từ gia đình công nhân lao động nghèo (vùng mỏ), 2 người xuất thân từ gia đình có bố mẹ là giáo viên. Họ đều được gia đình khuyến khích ý thức quan tâm đến những người khác, họ ưa thích đọc truyện, sách báo và sớm tham gia lao động để tự kiếm sống, đã tham gia hoạt động xã hội khi là thanh niên. Họ có sự kiên quyết, kiên định, tự chủ thực hiện những mục đích liên quan lớn đến cuộc đời họ (thi đại học, kết hôn, chuyển công tác) dù gặp khó khăn, cản trở (về điều kiện kinh tế, sự phản đối, chê bai của người khác).

### Tài liệu tham khảo

1. Mayer, J.D., Caruso, D.R., Salovey, P. (1999), *Emotional Intelligence meets traditional standards for an intelligence*, *Intelligence*, 27, 267 - 298.
2. Mayer, J.D., Salovey, P., Caruso, D.R., Sitarenios, G. (2001), *Emotional Intelligence as a standard intelligence*, *Emotion*, Vol. 1. No. 3, 232 - 242.
3. Nguyễn Huy Tú (2000), *Trí tuệ cảm xúc - Bản chất và phương pháp chẩn đoán*, Tạp chí Tâm lý học số 6, tháng 12.
4. Viện Xã hội học và Tâm lý học lãnh đạo, quản lý (thuộc Học viện CT-HC QG Hồ Chí Minh), Đề tài: *Cơ sở lý luận về trí tuệ cảm xúc và bước đầu đo lường trí tuệ cảm xúc của học viên đang học tập tại Học viện CT - HC QG Hồ Chí Minh (2008)*, Chủ nhiệm đề tài: Th.s. Nguyễn Thị Thanh Tâm.
5. Dương Thị Hoàng Yến (2008), *Về mô hình trí tuệ thuần năng lực của John Mayer và Peter Salovey - Một đóng góp quan trọng đầu tiên về quan điểm EI là một dạng trí tuệ mới*, Tạp chí Tâm lý học số 4.